

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG THỔ  
Số: 41/QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

Phong thổ, ngày 21 tháng 10 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND HUYỆN PHONG THỔ**  
(Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ**

Căn cứ điều 43 luật tổ chức HĐND và UBND ( Sửa đổi) ban hành ngày 05/7/1994 quy định nhiệm vụ của UBND các cấp.

Căn cứ Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy CNQSD đất lâm nghiệp.

Thực hiện Thông tư số 1990/TT/TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét tờ trình số 02/TT-UB ngày 18 tháng 9 năm 2002 của UBND xã Bản lang

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Nông nghiệp - Địa chính huyện Phong thổ.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều I:** Cấp GCNQSD đất cho 821 hộ gia đình, cá nhân ( Có danh sách kèm theo).

Địa chỉ thường trú tại xã: Bản lang huyện Phong thổ Tỉnh Lai châu.

Được quyền sử dụng: 28.600.619 m<sup>2</sup> đất.

Tại xã Bản lang huyện Phong thổ Tỉnh Lai châu vào mục đích lâm nghiệp: 28.600.619 m<sup>2</sup>.

Trong đó: - Rừng tự nhiên: 1.474.492 m<sup>2</sup>.

- Rừng trồng: 0 m<sup>2</sup>.

- Đất trống: 27.126.127 m<sup>2</sup>.

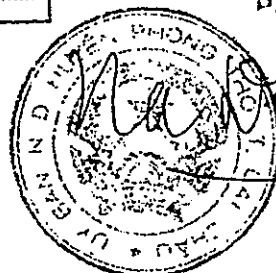
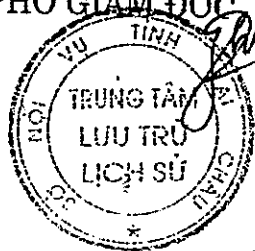
**Điều II:** Các ông (Bà) Chánh văn phòng UBND, Trưởng phòng Nông nghiệp - Địa chính huyện Phong thổ, Chủ tịch UBND xã Bản lang và hộ gia đình, cá nhân có tên tại điều I chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: UBND Huyện Phong Thổ T/M UBND Huyện Phong thổ

- Như điều II thực: 05

- Sở Địa chính (B/cáo), Lưu VP

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Việt Phúc

Nguyễn Văn Tiến

Ban hành kèm theo Thành thư  
Số: 1998/2001-TT-TĐĐC  
ngày 30/11/2001 và  
Sở Tài nguyên Địa chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 127 A 231/01

# SỔ MỤC KÊ ĐẤT

XÃ: BAN LANG  
HUYỆN: PHONG THO  
TỈNH: LAI CHÂU

Ngày 30 tháng 10 năm 2002  
GIAM ĐỐC SỞ ĐỊA CHÍNH/  
KỶ LÂM ĐÀ BẮC



Nguyễn Văn Mạnh

Ngày 24 tháng 5 năm 2002  
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
ĐỊA CHÍNH CẤP HUYỆN  
(Ký, in, đóng dấu)



Đinh Quang Vinh

Ngày 31 tháng 5 năm 2002  
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH  
(Ký, in, đóng dấu)  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trọng



Ban hành kèm theo Thông tư  
Số: 1990/2001/TT-TCDC  
ngày 30/11/2001 của  
Tăng cục Địa chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 1a  
(27 X 38 cm)

# SỔ ĐỊA CHÍNH

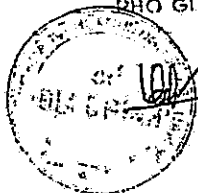
## KHU VỰC NÔNG THÔN

	Mã số
XÃ: <u>BẢN LĂNG</u>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
HUYỆN: <u>PHONG THO</u>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
TỈNH: <u>LAI CHÂU</u>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Quyển số: 2..... Thôn (bản)

Ngày 20 tháng 11 năm 2002...

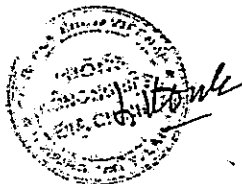
GIÁM ĐỐC SỞ ĐỊA CHÍNH/  
SỞ ĐỊA CHÍNH NHÀ ĐẤT  
(Ký tên/Đóng dấu/  
CHỖ GIÁM ĐỐC)



*Nguyễn Văn Mạnh*

Ngày 18 tháng 9 năm 2002...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
ĐỊA CHÍNH CẤP HUYỆN, THỊ  
(Ký tên, đóng dấu)



Ngày 2 tháng 9 năm 2002...

TRƯỞNG BAN NHÂN DÂN XÃ  
KT / CHỮ TÍCH  
PHỤ KÈM, ĐÓNG DẤU



*Trần Văn Hùng*

# HƯỚNG DẪN LẬP SỔ ĐỊA CHÍNH KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Mục đích lập sổ: Sổ địa chính được lập để đăng ký quyền sử dụng đất hợp pháp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và đăng ký đất chưa giao, chưa cho thuê sử dụng, làm cơ sở để nhà nước thực hiện quản lý đất đai theo pháp luật.

## 2. Nguyên tắc chung:

- a) Sổ lập theo đơn vị hành chính xã; được Ủy ban nhân dân xã xác nhận, cơ quan địa chính các cấp huyện, tỉnh duyệt.
- b) Sổ lập căn cứ vào hồ sơ kê khai đăng ký đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (dưới đây viết tắt là GCNQSDĐ).
- c) Chủ sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp GCNQSDĐ đăng ký vào quyển số 1; đất do Ủy ban nhân dân xã đăng ký ghi vào cuối quyển số 1. Chủ sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp GCNQSDĐ đăng ký vào các quyển còn lại; Chủ sử dụng đất cư trú tại điểm dân cư nào thì đăng ký vào quyển của điểm dân cư đó; Hộ gia đình, cá nhân ở các điểm dân cư nhỏ thì đăng ký vào quyển của điểm dân cư gần nhất nơi họ tham gia sinh hoạt; các hộ gia đình, cá nhân có đất phụ canh trong xã đăng ký vào quyển riêng hoặc vào quyển cuối cùng của xã.

d) Sổ được lập lần lượt cho từng chủ sử dụng đất, mỗi chủ 1 trang, mỗi thửa đất 1 dòng; chủ sử dụng nhiều thửa đăng ký 1 trang không hết thì lập vào nhiều trang, cuối trang ghi số của trang tiếp theo và đầu trang tiếp theo ghi số của trang mà nó kế tiếp. Trên mỗi trang sổ, sau mỗi lần đăng ký phải kẻ dòng ngăn cách phía dưới thửa đăng ký cuối cùng.

## 3. Cách ghi sổ:

### a) Trang nội dung đăng ký đất.

- Phần: "CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT" được ghi như sau:

+ Mục: "Tên chủ sử dụng đất": Tổ chức sử dụng đất ghi tên theo quyết định thành lập. Cơ sở tôn giáo, các công trình công cộng do Ủy ban nhân dân xã đăng ký thì ghi tên gọi của công trình kèm theo địa danh có công trình; những loại đất khác do Ủy ban nhân dân xã đăng ký thì ghi tên của loại đất như: đất nông nghiệp dành cho công ích xã, sông suối, đất bằng chưa sử dụng...

Hộ gia đình sử dụng đất thì ghi tên "Hộ ông (bà) và tên của chủ hộ"; tên chủ hộ gia đình, cá nhân ghi theo khai sinh; trường hợp quyền sử dụng đất của chung hai vợ chồng (không phải đất giao cho hộ gia đình) thì ghi tên của cả vợ, chồng và ghi chú thêm việc đồng quyền sử dụng của vợ và chồng vào Phần III;

+ Mục "Năm sinh": Ghi theo khai sinh và chỉ ghi đối với chủ hộ gia đình, cá nhân.

+ Mục "Số CMND": Ghi số chứng minh nhân dân của chủ hộ gia đình, cá nhân.

+ Mục "Họ tên vợ/chồng" ghi theo khai sinh của vợ hoặc chồng của chủ hộ hiện còn sống.

+ Mục "Nơi thường trú": Ghi đầy đủ tên tỉnh, huyện, xã, thôn (ấp, xóm...) đường phố, số nhà - nơi đăng ký thường trú của chủ sử dụng đất; nếu nơi thường trú trùng với nơi lập sổ thì không phải ghi tên xã, huyện, tỉnh (đã ghi ở bìa sổ). Người sử dụng đất có quốc tịch nước ngoài thì ghi thêm quốc tịch của người đó.

+ Mục "Số quản lý": Ghi số thứ tự của chủ sử dụng đất trong phạm vi mỗi xã (số này trùng với số hồ sơ lưu trữ các tài liệu hình thành trong quá trình đăng ký của mỗi chủ sử dụng đất).

- Phần: "ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG ĐẤT".

+ Cột 1: Ghi ngày, tháng, năm của mỗi lần đăng ký vào sổ địa chính.

+ Cột 2 và 3: Ghi số hiệu tờ bản đồ địa chính và số hiệu thửa đất, thửa có thêm số hiệu thửa phụ thì ghi lần lượt: số hiệu thửa chính, số hiệu thửa phụ (thửa phụ ghi trong ngoặc đơn). Ví dụ: 195 (10).

+ Cột 4: Ghi địa danh nơi có thửa đất như: tên xứ đồng, tên thôn (xóm, ấp).

+ Cột 5: Ghi diện tích thửa đất theo đơn vị mét vuông ( $m^2$ ); thửa đất gộp nhiều mục đích sử dụng thì ghi thêm diện tích theo từng mục đích sử dụng ở các dòng dưới kế tiếp.

+ Cột 6: Ghi loại đất theo hiện trạng.

+ Cột 7: Ghi trạng thái khi giao đất lâm nghiệp, đất chưa sử dụng.

+ Cột 8: Ghi trữ lượng rừng (nếu có).

+ Cột 9: Ghi mục đích sử dụng đất được đăng ký và ghi bằng ký hiệu quy định ở trang cuối sổ.

+ Cột 10: Ghi ngày - tháng - năm hết hạn sử dụng đất.

+ Cột 11: Ghi căn cứ pháp lý của việc đăng ký vào sổ địa chính (số quyết định, ký hiệu văn bản và cơ quan ký, thời gian

ký quyết định). Lần đăng ký ban đầu, căn cứ pháp lý là quyết định cấp GCNQSDĐ; khi đăng ký biến động, căn cứ pháp lý là quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép hoặc xác nhận biến động (Quyết định giao, cho thuê đất; Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất...).

+ Cột 12: Ghi số thứ tự vào số cấp GCNQSDĐ của giấy chứng nhận được cấp.

+ Cột 13: Chủ sử dụng đất ký vào dòng ghi thừa cuối cùng của mỗi lần đăng ký khi nhận GCNQSDĐ.

- Phần: "NHỮNG RÀNG BUỘC QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT" để ghi chú trường hợp: Nhà nước cho thuê đất, giao đất có thu tiền (ghi số tiền nộp), đồng quyền sử dụng đất, ràng buộc về quy hoạch xây dựng, ràng buộc công trình chung (tường, lối đi...), những ràng buộc khác; ghi chú tài sản gắn liền với đất và tên người sở hữu khác (nếu có). Nội dung ghi chú gồm: Vị trí (số thửa đất, diện tích và nội dung ghi chú, ràng buộc).

- Phần: "NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG" Ghi chú những thay đổi trong quá trình sử dụng đất phải đăng ký biến động, nội dung ghi như quy định tại điểm 4.2 - mục "Cập nhật, chỉnh lý số" của hướng dẫn này.

b) **Trang mục lục tên chủ dùng** để tra cứu số địa chính. Quyển lập cho các tổ chức ghi theo thứ tự chủ sử dụng đất đăng ký vào sổ. Quyển lập cho các hộ gia đình và cá nhân, trang mục lục lập cho từng điểm dân cư lập sổ; tên chủ sử dụng đất trong mục lục được xếp theo vần A, B, C... theo chữ đầu của tên chủ; ghi hết mỗi vần để cách số dòng tối thiểu bằng tổng số chủ đã viết của vần đó để viết bổ sung sau này. Số thứ tự tên chủ được đánh liên tục từ 1 đến hết trong mỗi vần.

#### 4. Cập nhật, chỉnh lý số.

a) Việc cập nhật, chỉnh lý số địa chính chỉ được thực hiện cho những trường hợp biến động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký cấp GCNQSDĐ hoặc chứng nhận biến động lên GCNQSDĐ đã cấp.

b) Việc cập nhật, chỉnh lý từng loại hình biến động quy định như sau:

- Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc nhận chuyển quyền sử dụng đất được đăng ký tiếp vào các dòng còn trống của phần "Đăng ký sử dụng đất" thuộc trang đăng ký của người đó; nếu người đó chưa có tên trong sổ địa chính thì lập trang mới như quy định tại điểm 3 của hướng dẫn này.

- Người sử dụng đất bị thu hồi hoặc chuyển quyền sử dụng một phần diện tích đã đăng ký cho người khác thì gạch dòng thừa biến động (bằng mực đỏ) và ghi: số hiệu thửa biến động; nội dung biến động (loại hình, diện tích biến động và tên người nhận QSDĐ); căn cứ pháp lý biến động (số, ký hiệu văn bản, cơ quan ký, thời gian ký văn bản) vào phần: "Những thay đổi trong quá trình sử dụng". Phần diện tích chuyển quyền được đăng ký vào trang đăng ký của người nhận quyền sử dụng.

- Người sử dụng đất chuyển quyền sử dụng toàn bộ diện tích đã đăng ký cho người khác thì người nhận quyền sử dụng đất được đăng ký trên trang sổ đã đăng ký của chủ cũ bằng cách gạch tên chủ cũ (bằng mực đỏ); ghi tên chủ mới, hình thức chuyển quyền, căn cứ pháp lý chuyển quyền (số, ký hiệu văn bản, cơ quan ký, thời gian ký văn bản) vào phần: "Những thay đổi trong quá trình sử dụng". Quy định này thực hiện cho cả trường hợp đổi tên chủ sử dụng đất đã đăng ký.

Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình, cá nhân với tổ chức hoặc giữa các hộ gia đình ở các khu dân cư khác nhau thì gạch chéo góc trang thay đổi bằng mực đỏ và đăng ký cho người nhận quyền vào quyển khác theo đúng nguyên tắc lập sổ.

- Khi có sự thay đổi hình thể thửa đất, mục đích sử dụng, thời hạn sử dụng của thửa đất đã đăng ký thì gạch ngang dòng bằng mực đỏ thửa thay đổi và ghi lại xuống dòng dưới cùng của trang chủ sử dụng đã đăng ký; ghi chú số hiệu thửa thay đổi và căn cứ pháp lý biến động (số, ký hiệu văn bản, cơ quan ký, thời gian ký văn bản) vào phần "Những thay đổi trong quá trình sử dụng".

- Khi đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất phải ghi: Số giấy chứng nhận thế chấp hoặc bảo lãnh, nơi nhận thế chấp hoặc bảo lãnh, số hợp đồng thế chấp hoặc bảo lãnh vào phần "Những thay đổi trong quá trình sử dụng". Khi chấm dứt thế chấp hoặc bảo lãnh phải gạch ngang dòng ghi tình trạng đang thế chấp hoặc bảo lãnh (bằng mực đỏ) và ghi "Chấm dứt thế chấp hoặc bảo lãnh ngày - tháng - năm" vào khoảng trống còn lại của dòng này.

- Khi đăng ký việc cho thuê, cho thuê lại đất phải ghi vào phần "Những thay đổi trong quá trình sử dụng" về các nội dung: Số hiệu thửa cho thuê, tên và địa chỉ thường trú của Bên thuê hay thuê lại đất, diện tích thuê (nếu thuê một phần của thửa đất), thời hạn thuê, số hợp đồng thuê đất. Khi chấm dứt việc cho thuê, cho thuê lại đất phải gạch ngang dòng ghi tình trạng cho thuê đất (bằng mực đỏ) và ghi chú thêm: "Đã chấm dứt cho thuê, cho thuê lại đất ngày - tháng - năm".

- Khi đăng ký việc góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất phải ghi: Số hiệu thửa và diện tích đất góp vốn, tên tổ chức kinh tế nơi góp vốn, số hợp đồng góp vốn vào phần "Những thay đổi trong quá trình sử dụng". Khi chấm dứt góp vốn phải gạch ngang dòng ghi việc góp vốn (bằng mực đỏ) và ghi "Chấm dứt góp vốn ngày - tháng - năm" vào khoảng trống còn lại của dòng này.

- Khi người sử dụng đất khai báo mất GCNQSDĐ phải ghi "GCN số ..... bị mất ngày - tháng - năm" vào phần "Những thay đổi trong quá trình sử dụng". Khi cấp lại hay cấp đổi GCNQSDĐ mới thì gạch (bằng mực đỏ) số của GCNQSDĐ cũ tại cột 10 và ghi "GCN số ..... đã thu hồi - lý do thu hồi - được cấp lại, cấp đổi GCN mới số ....." vào phần "Những thay đổi trong quá trình sử dụng".

**MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ KÝ HIỆU QUY ƯỚC**  
(Ghi trong sổ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

THỨ TỰ	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU
I	<b>MỤC ĐÍCH NÔNG NGHIỆP</b>	
1	Trồng lúa nước	Lúa
2	Cây hàng năm khác	HNK
3	Trồng cói, bàng	Cói
4	Nương rẫy	N.rẫy
5	Làm vườn	Vườn
6	Trồng cây lâu năm	LN
7	Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	Cỏ CN
8	Nuôi trồng thủy sản	TS
II	<b>MỤC ĐÍCH LÂM NGHIỆP</b>	
A	<b>Khoanh nuôi bảo vệ, phục hồi, làm giàu rừng tự nhiên</b>	
1	Sản xuất	RTnS
2	Phòng hộ	RTnP
3	Đặc dụng	RTnĐ
B	<b>Rừng trồng (Đã trồng rừng)</b>	
1	Sản xuất	RTS
2	Phòng hộ	RTP
3	Đặc dụng	RTĐ
C	<b>Trồng rừng (Đất trống để trồng rừng)</b>	
1	Sản xuất	TRS
2	Phòng hộ	TRP
3	Đặc dụng	TRĐ
D	<b>Ươm cây giống lâm nghiệp</b>	U.R
III	<b>MỤC ĐÍCH CHUYÊN DỤNG</b>	
1	Xây dựng cơ bản	XD
2	Giao thông	GT
3	Thủy lợi	TL
4	Di tích lịch sử văn hóa	DT
5	An ninh, quốc phòng	AN/QP
6	Khai thác khoáng sản	KT.KS
7	Làm nguyên vật liệu xây dựng	VLXD
8	Làm muối	Muối
9	Nghĩa địa	NĐ
10	Chuyên dùng khác	CDK
IV	<b>MỤC ĐÍCH ĐẤT Ở</b>	T













I- CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

Tên chủ sử dụng đất: Ng. Thị Nguyệt Nguyễn Văn Kỳ  
 Năm sinh (Của chủ hộ gia đình, cá nhân): 1977 Số CMND: .....  
 Họ tên vợ/chồng (của chủ hộ gia đình): Vũ Thị Kiều  
 Nơi thường trú: Bản Nà Vàng - Xã Đẩu Lông

Số quản lý  
189

II- ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG

Ngày tháng năm vào sổ	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Địa danh thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Trạng thái	Trữ lượng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Căn cứ pháp lý vào sổ	Vào sổ cấp GCN số	Chủ sử dụng đất ký tên
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
21/10/2002	01	238 (7)	Đông	355/5	Thị trấn	Tổ		Kinh	21/10/2002	Quyết định số 41/UB	189	
										Ngày 21/10/2002 của UBND huyện phương tiện		

III- NHỮNG RÀNG BUỘC QUYỀN SỬ DỤNG

Thửa 238 (7) Đông Sử dụng

IV- NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG





I- CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

Tên chủ sử dụng đất: hà Bà Vàng Thị Lai  
 Năm sinh (Của chủ hộ gia đình, cá nhân): 1945 Số CMND: .....  
 Họ tên vợ/chồng (của chủ hộ gia đình): .....  
 Nơi thường trú: Bản Nà Vàng - Xã Rá Làng

Số quản lý  
194

II- ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG

Ngày tháng năm vào sổ	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Địa danh thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Trạng thái	Trữ lượng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Căn cứ pháp lý vào sổ	Vào sổ cấp GCN số	Chủ sử dụng đất ký tên
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
27/10/2002	01	238 (10)	phần thửa đất	55575	Đất nông nghiệp	Tc		Đất nông nghiệp	27/10/2002	Quyết định số 61/05	194	
										Ngày 27/10/2002		
										tại UBND huyện phụng		

III- NHỮNG RÀNG BUỘC QUYỀN SỬ DỤNG

Thửa 238 (10) đang sử dụng

IV- NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG

I- CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

Tên chủ sử dụng đất: Đ. Ông Liêng Văn Lữ

Năm sinh (Của chủ hộ gia đình, cá nhân): 1959 Số CMND: .....

Họ tên vợ/chồng (của chủ hộ gia đình): Liêng Thị Púa

Nơi thường trú: Bản Nà Vàng - xã Bản Lũng

Số quản lý  
195

II- ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG

Ngày tháng năm vào sổ	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Địa danh thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Trạng thái	Trữ lượng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Căn cứ pháp lý vào sổ	Vào sổ cấp GCN số	Chủ sử dụng đất ký lên
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<u>24/10/2002</u>	<u>01</u>	<u>238 (1)</u>	<u>ph. Sông Núi</u>	<u>35513</u>	<u>trên</u>	<u>T.</u>		<u>KINH</u>	<u>21/10/2052</u>	<u>Quyết định Số 41/QĐ/UB. Ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phay Thô</u>	<u>195</u>	

III- NHỮNG RÀNG BUỘC QUYỀN SỬ DỤNG

Thửa 238(1) đang sử dụng

IV- NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG











I- CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

Tên chủ sử dụng đất: Hà Thị Ngọc Xuân Sinh Số quản lý

Năm sinh (Của chủ hộ gia đình, cá nhân): 1967 Số CMND: .....

Họ tên vợ/chồng (của chủ hộ gia đình): Vàng Thị Kiều 205

Nơi thường trú: Bản Nả Vàng - Xã Bán Lạng

II- ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG

Ngày tháng năm vào sổ	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Địa danh thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Trạng thái	Trữ lượng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Căn cứ pháp lý vào sổ	Vào sổ cấp GCN số	Chủ sử dụng đất ký tên
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<u>24/10/2002</u>	<u>01</u>	<u>238 (17)</u>	<u>phòng ca</u>	<u>555/5</u>	<u>Đất đai</u>	<u>Đc</u>		<u>R.T.M.P</u>	<u>21/10/2012</u>	<u>Quyết định số 41</u>	<u>205</u>	
										<u>NR/112</u>		
										<u>Ngày 21/10/2002</u>		
										<u>Cố. UBND</u>		
										<u>liên lạc phòng tài</u>		

III- NHỮNG RÀNG BUỘC QUYỀN SỬ DỤNG

Thửa 238 (17) đang sử dụng

IV- NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG

.....

.....

.....









